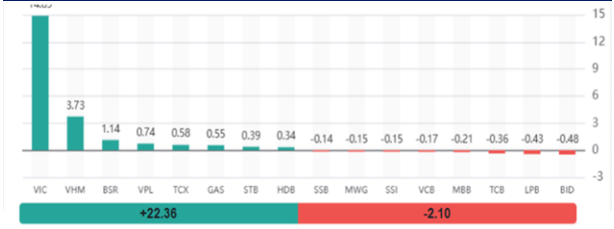
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,760.63	261.08
+- %	1.26%	-0.23%
KLGD (CP)	672,074,209	55,913,787
GTGD (tỷ đồng)	15,299.76	870.82
+- % GTGD	-24.60%	-21.87%

Độ rộng thị trường (HOSE)

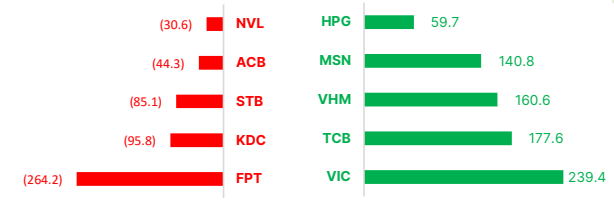
157 tăng	99 không đổi	174 giảm

Tác động tới VN-Index



Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

GT Bán : -1950.0 GT ròng: 341.6 GT Mua: 2291.6



Biến động nhóm ngành



Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Sau giai đoạn giảm giá mạnh và VN-Index tạo đáy quanh vùng 1.680 điểm. Thị trường tăng điểm phiên thứ 2 liên tiếp với giao dịch tiếp tục khá tích cực. VN-Index chịu áp lực rung nhẹ trong phiên về 1.750 điểm với thanh khoản giảm, áp lực cung ngắn hạn thấp, sau đó tiếp tục tăng điểm. Kết phiên VN-Index tăng 21,96 điểm (+1,26%) lên mức 1.760,63 điểm, hướng đến vùng giá 1.780 điểm - 1.800 điểm. VN30 tăng 12,41 điểm (+0,66%) lên mức 1.892,98 điểm, dưới kháng cự tâm lý 1.900 điểm.

Độ rộng trên HOSE phân hóa, nghiên về điều chỉnh. Áp lực điều chỉnh ở các mã bất động sản vốn hóa trung bình, xây dựng, chứng khoán sau phiên tăng mạnh. Tiếp tục tăng điểm tốt ở nhóm VinGroup. Phục hồi tốt sau áp lực điều chỉnh mạnh ở nhóm năng lượng - dầu khí, phân bón... Thanh khoản thị trường giảm, khối lượng giao dịch khớp lệnh trên HOSE giảm -29,3% so với phiên trước. Thể hiện áp lực điều chỉnh tương đối bình thường ở nhiều mã. Khối ngoại mua ròng phiên thứ 2 liên tiếp với giá trị 341,6 tỷ đồng trên HOSE trong phiên hôm nay, hỗ trợ tích cực tâm lý thị trường.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 41I1GB000 kết phiên ở mức 1.894,0 điểm, tăng 0,11% so với phiên trước. Chênh lệch dương thu hẹp 1,02 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 41I1GC000, 41I1GH3000, 41I1H6000 chênh lệch từ -0,08 điểm đến -4,68 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch kỳ hạn 41I1GB000 giảm mạnh -30,5% so với phiên trước. Các trade giảm các vị thế giao dịch trong phiên. Ưu tiên phòng ngừa rủi ro cho thị trường cơ sở khi VN30 hướng đến vùng kháng cự mạnh. Xu hướng ngắn hạn 41I1GB000 phục hồi, kháng cự 1.900 điểm, hỗ trợ gần nhất 1.880 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 41I1GB000 là 33.067, giảm vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VN-Index phục hồi, vượt lên xu hướng giảm giá ngắn hạn kéo dài từ ngày 18/9/2026 đến nay. VN-Index tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng trung dài hạn khi giữ được vùng hỗ trợ quanh 1.700 điểm. Ngắn hạn VN-Index kỳ vọng hướng đến vùng 1.780 điểm - 1.800 điểm. Cần lưu ý đây là vùng kháng cự mạnh với áp lực cung giá cao sẽ gia tăng trở lại.

Dưới ảnh hưởng tích cực của nhóm cổ phiếu dẫn dắt thị trường. Bên cạnh các thông tin tích cực về lãi suất, kết quả kinh doanh quí 3/2026. VN-Index cũng đang vượt lên giai đoạn giảm giá ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể xem xét các vị thế gia tăng tỉ trọng đầu tư đối với các doanh nghiệp tốt, có kết quả kinh doanh quí 3 tăng trưởng mạnh. Tuy nhiên chúng tôi không có khuyến nghị mua đuổi khi VN-Index hướng đến vùng giá quanh 1.780 điểm.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã CK	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng hỗ trợ tăng trưởng (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Giao dịch (GD)	FA Rank	TA Rank
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận			
VPB	23.95	23.5	25.5-26	23.0	7.7	47.2%	18.8%	Theo dõi GD	85	69
DPR	38.35	37.8	44-45	36.0	9.3	39.1%	55.8%	Theo dõi GD	76	41
PVS	32.50	33.0	39-40	31.0	9.5	16.5%	49.3%	Theo dõi GD	73	52
FPT	57.40	56.0	69-71	54.0	10.8	-17.1%	13.7%	Theo dõi GD	77	13
ACV	43.00	41.0	53-55	40.0	13.9	-0.3%	20.0%	Theo dõi GD	84	36
HDG	15.45	15.0	18-19	14.0	6.7	-16.7%	1468.9%	Theo dõi GD	69	21
BSR	29.20	28.0	31-32	27.2	7.3	59.7%	806.5%	Theo dõi GD	84	58
DCM	35.25	34.0	39-40	32.0	7.1	11.1%	35.4%	Theo dõi GD	82	50
IDC	35.80	34.5	42-43	32.0	6.9	28.8%	104.9%	Theo dõi GD	88	46

BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

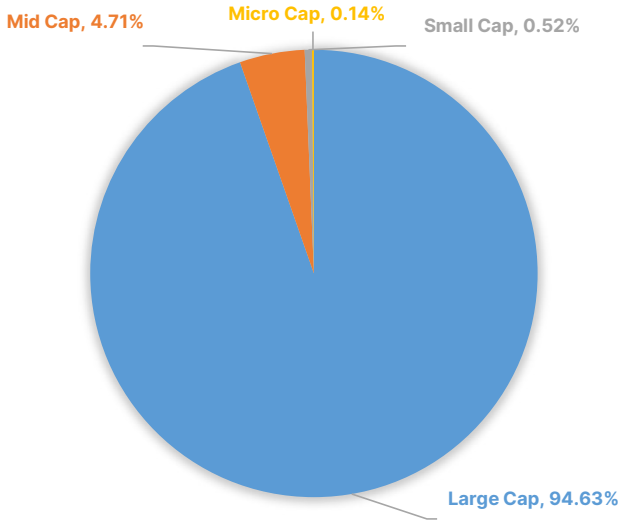
Xu Hướng \ Thông Số	Bất Động Sản	Cảng- Vận tải	Cao Su TN	Chứng Khoán	Công Nghệ- Viễn Thông	Dầu Khí	Dệt May-Da Giày	Khu Công Nghiệp
Trung dài hạn	Tang Truong	Dieu Chinh	Tich Luy	Suy Giam	Suy Giam	Tang Truong	Tich Luy	Suy Giam
Ngắn trung hạn	Phuc Hoi	Tich Luy	Tich Luy	Tich Luy	Phuc Hoi	Tich Luy	Tang Truong	Tich Luy
Dòng tiền trung hạn	Am_Tang	Duong_Giam	Tich Luy	Tich Luy	Am_Tang	Tich Luy	Tich Luy	Tich Luy
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	86.1	-2.3	179.0	-53.3	264.7	427.3	-270.9	-12.3
Tương quan-VNINDEX	Tốt hơn-Mạnh hơn	Tốt hơn-Mạnh hơn	Không đổi-Mạnh hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Mạnh hơn	Tốt hơn-Mạnh hơn	Tốt hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	SJS	GMD	DRI	ORS	VGI	PVP	PTG	VGC
	VIC	DXP	TRC	HCM	FOX	PVT	MNB	LHG

Xu Hướng \ Thông Số	Bảo Hiểm	Bán Lẻ	Thép	Thủy Sản	Xây Dựng-VLXD	Ngân Hàng	Phân Bón-Hóa Chất	Hàng Không
Trung dài hạn	Tang Truong	Suy Giam	Suy Giam	Suy Giam	Suy Giam	Tich Luy	Suy Giam	Suy Giam
Ngắn trung hạn	Tich Luy	Tich Luy	Tich Luy	Tich Luy	Tich Luy	Phuc Hoi	Tich Luy	Tang Truong
Dòng tiền trung hạn	Tich Luy	Tich Luy	Am_Tang	Am_Tang	Am_Tang	Am_Tang	Tich Luy	Tich Luy
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	139.2	-22.6	-216.0	-276.4	-79.3	292.3	69.6	-240.3
Tương quan-VNINDEX	Tốt hơn-Mạnh hơn	Tốt hơn-Mạnh hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	PRE	PET	TVN	FMC	VLB	MSB	BFC	SAS
	BVH	PSD	VGS	SEA	DHA	ABB	DHB	VJC

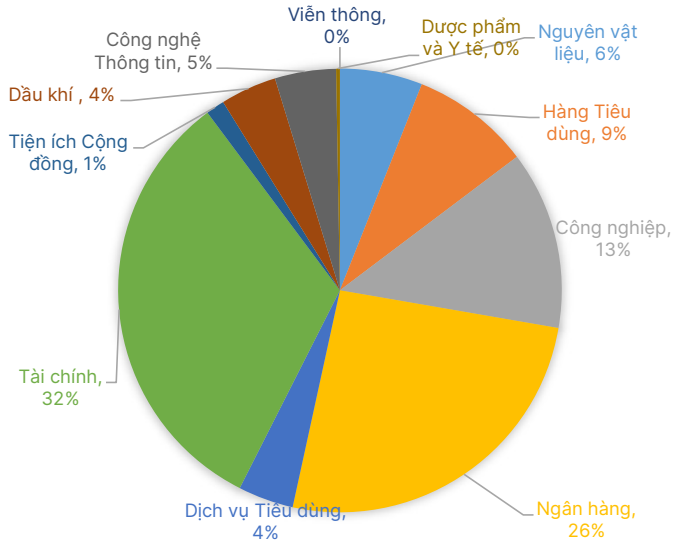
Xu Hướng \ Thông Số	Điện	Nông Nghiệp	Dược	VNIndex	VN30	HNXIndex	UPCOM	% Ngành tăng
Trung dài hạn	Suy Giam	Suy Giam	Suy Giam	Tang Truong	Tang Truong	Tich Luy	Tang Truong	26
Ngắn trung hạn	Tich Luy	Tich Luy	Tich Luy	Phuc Hoi	Phuc Hoi	Phuc Hoi	Tich Luy	9
Dòng tiền trung hạn	Am_Tang	Am_Tang	Duong_Giam	Am_Tang	Am_Tang	Am_Tang	Am_Tang	9
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	6.6	-222.7	119.8	82.6	116.4	286.4	-63.5	22
Tương quan-VNINDEX	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	35	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Mạnh hơn	
Cổ phiếu TOP	NT2	NAF	DTT					
	TMP	HAG	DCL					

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm ngành



Top vốn hóa

Mã	Vốn Hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	1,807,813	13.9%	2,751	84.6	10.6
VHM	525,749	32.6%	9,730	6.6	2.0
VCB	470,425	17.9%	4,984	11.3	1.9
BID	262,904	17.7%	4,250	8.0	1.4
TCB	241,995	15.2%	4,041	8.4	1.3

Top Khối lượng giao dịch

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	56,011,581	17.3%	2,516	4.3	0.8
VIX	32,295,500	6.2%	811	15.5	1.0
TPB	27,474,500	16.5%	2,369	5.4	0.9
HDB	23,629,500	23.9%	2,982	7.5	1.7
MSB	22,856,756	13.7%	1,573	9.8	1.3

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
L10	7.0%	21.6%	6,709	4.4	0.9
PET	6.9%	13.1%	2,047	26.1	3.3
SMA	6.8%	6.7%	788	9	0.6
HAS	6.7%	-2.9%	(465)	(19.2)	0.6
ORS	6.5%	4.5%	630	24.8	1.2

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
STG	-6.9%	13.4%	3,557	9.1	1.2
KOS	-6.9%	1.2%	127	42.8	0.5
DTT	-6.8%	13.0%	2,242	8.2	1.1
NVT	-6.8%	13.7%	359	21.1	2.7
PMG	-6.7%	9.9%	947	5.9	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	5,196,429	15.2%	4,041	8.4	1.3
HPG	2,812,262	17.4%	2,750	7.7	1.3
VHM	2,504,536	32.6%	9,730	6.6	2.0
MSN	1,903,780	19.4%	4,627	16.0	2.7
CII	1,722,015	1.2%	170	82.4	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	(4,586,510)	26.5%	5,324	10.8	2.7
NVL	(2,855,231)	9.5%	1,813	5.9	0.7
ACB	(2,171,133)	16.3%	2,701	7.6	1.2
KDC	(1,897,900)	8.5%	1,928	26.5	2.4
MSB	(1,794,140)	13.7%	1,573	9.8	1.3

TIN NỔI BẬT

NHNN chỉ đạo mới về việc giảm mặt bằng lãi suất

Ngày 21/10/2026, Ngân hàng Nhà nước ban hành công văn số 9736/NHNN-CSTT. Theo đó, NHNN yêu cầu các NHTM quán triệt trong toàn hệ thống NHTM, trên tất cả các kênh bán hàng tổ chức triển khai quyết liệt giảm thực chất lãi suất huy động và cho vay theo chỉ đạo của Thống đốc NHNN tại cuộc họp ngày 19/10/2026 và công văn số 9608/NHNN-CSTT ngày 18/10/2026. NHTM thực hiện giảm tối thiểu 0,5%/năm lãi suất tiền gửi bình quân của các giao dịch phát sinh mới đối với các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên trong các tháng cuối năm 2026. Trường hợp NHTM không thực hiện chỉ đạo của NHNN, NHNN sẽ có biện pháp xử lý nghiêm, bao gồm cả việc xem xét giảm/giao thấp chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng.

Đến ngày 15/10, giải ngân vốn đầu tư công đạt 64.6% kế hoạch Thủ tướng giao

Bộ Tài chính đã có báo cáo số 16767/BTC-ĐTPT ngày 20/10/2026 về việc thực hiện chế độ báo cáo nhanh theo tuần tình hình phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2026 - lũy kế đến hết ngày 15/10/2026. Bộ Tài chính cho biết, số giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm đến hết ngày 15/10/2026 là 660.739.5 tỷ đồng, đạt 64,6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Còn 27 bộ, cơ quan trung ương và 15 địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới bình quân chung cả nước.

Dầu Brent dao động quanh 109 USD/thùng

Giá dầu diễn biến trái chiều trong phiên 21/10 khi nguy cơ gián đoạn nguồn cung tại Trung Đông tiếp tục khiến thị trường bất an. Các vụ tấn công nhằm vào tàu chở dầu gần eo biển Hormuz và các cơ sở năng lượng của Ả-rập Saudi gây sức ép lên tâm lý nhà đầu tư. Kết phiên, dầu Brent tăng 3 xu lên 108,82 USD/thùng. Trong khi đó, dầu WTI của Mỹ giảm 67 xu xuống còn 97,15 USD/thùng. Căng thẳng khu vực còn gia tăng sau khi lực lượng Houthi tại Yemen hôm thứ Hai nhận trách nhiệm về các cuộc tấn công nhằm vào cơ sở của Saudi Aramco tại Yanbu, mỏ dầu Shaybah và các sân bay ở Riyadh cùng Abha.

Thị trường ảm đạm, tiền nằm chờ trên tài khoản chứng khoán xuống thấp nhất 3 năm

Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán, số dư tiền gửi của khách hàng tại thời điểm cuối quý 3/2026 ước đạt khoảng 72.000 tỷ đồng, giảm 10.000 tỷ đồng so với cuối quý trước, tương ứng mức giảm hơn 12%. Mức thấp nhất kể từ cuối quý 2/2023. Cuối quý 3/2025, lượng tiền nằm chờ trên tài khoản chứng khoán từng đạt mức kỷ lục khoảng 131.000 tỷ đồng. Như vậy, chỉ trong vòng 1 năm trở lại đây, số dư này đã giảm tới 59.000 tỷ đồng, tương đương khoảng 45%.

FPT lãi ròng gần 7,8 ngàn tỷ đồng sau 9 tháng

Trong 9 tháng đầu năm 2026, CTCP FPT (HOSE: FPT) đạt doanh thu 40.023 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 8.770 tỷ đồng, tăng lần lượt 12,4% và 17% so với cùng kỳ. Doanh thu ký mới ở thị trường nước ngoài tăng 23%, cao hơn tốc độ tăng doanh thu ghi nhận của mảng này. Lãi sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 7.778 tỷ đồng, tăng 13,3%. EPS đạt 4.142 đồng, tăng 12,8%. Từ năm 2026, FPT hợp nhất CTCP Viễn thông FPT (FPT Telecom) theo phương pháp vốn chủ sở hữu, tức chỉ ghi nhận phần lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ sở hữu thực tế.

Website: www.shs.com.vn
Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám Đốc Trung tâm Phân Tích
Ngô Thế Hiển
Hien.nth@shs.com.vn

Trưởng BP Chiến lược Thị trường
Phan Tấn Nhật
Nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ: Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888. Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, Tp.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368.Fax: (84-8)-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, P. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777. Fax: (84-511)-352 5779.
Email: contact-dn@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội
Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, P. Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888. Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact-hcm@shs.com.vn